

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: **06-5-2022**

"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đào Quang Khuyển**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Chuyên**; ông **Bùi Xuân Nghi**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Hoàng Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện.

- Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diên** - Kiểm sát viên.

Ngày **06 tháng 5 năm 2022**, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **144/2021/TLST-HNGĐ** ngày **30 tháng 11 năm 2021** về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **05/2022/QĐXXST-HNGĐ** ngày **30 tháng 3 năm 2022**; Quyết định hoãn phiên tòa số **03/2022/QĐST-HNGĐ** ngày **20/4/2022** giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Q** - sinh năm **1986**

HKTT: **Thôn Th, thị trấn C, huyện C, tỉnh Y.**

Chỗ ở hiện nay: **Số nhà 58, Trần C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Y.**

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Thành L** - sinh năm **1985**

HKTT: **Thôn D, xã T, huyện M, tỉnh D.**

Chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh L vắng mặt lần hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình khai tại Tòa án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Q** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi chị kết hôn với Anh L chị đã có một đời chồng và 01 con chung vợ chồng đã ly hôn, Anh L cũng có một đời vợ và có một con chung vợ chồng đã ly hôn. Chị và Anh L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 08/10/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được gần 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm về cách sống và trong sinh hoạt hàng ngày, mặc dù chị đã cố gắng để tìm ra tiếng nói chung nhưng không có kết quả dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, căng thẳng nhất từ tháng 5/2021 Anh L đã về nhà để ở thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh H, trong thời gian ly thân anh chị không có biện pháp gì để hàn gắn vợ chồng, vợ chồng ly thân từ tháng 5/2021 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng

không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Toà án nhân dân huyện Thanh Miện giải quyết cho chị được ly hôn Anh L để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và Anh L có 01 con chung là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 19/5/2020. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con, chị đang nuôi con thì Anh L đến đón con về chơi nhưng không giao trả con, chị đã nhiều lần yêu cầu giao con cho chị nhưng Anh L không đồng ý, vì cháu còn nhỏ chị không muốn ảnh hưởng tâm lý của con nên chị để Anh L nuôi con, chờ khi Tòa án giải quyết ly hôn chị sẽ đề nghị nuôi con. Nếu chị được nuôi con chị xác định sẽ ở lại nuôi con không đi bước nữa, chị làm quán phun xăm thẩm mỹ và làm tóc, nếu không dịch covid thu nhập bình quân 10 triệu đồng/tháng. Chị có nhà riêng nhà chị gần nơi ở bố mẹ chị, điều kiện về nơi ở tại nhà ngoại của chị thuận tiện bố mẹ chị còn mạnh khỏe có thể hỗ trợ cho chị mọi mặt trong việc nuôi dưỡng con với điều kiện tốt nhất, gia đình chị có chỗ ở rộng rãi, đầy đủ tiện nghi, chị sẽ tạo điều kiện thuận lợi để Anh L và gia đình anh thăm con, Anh L công việc không ổn định lương thu nhập không bằng chị không đảm bảo quyền lợi cho con chung, việc chăm sóc con bố sẽ không thể bằng mẹ, cháu Hoàng Anh vẫn còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Vì vậy, chị đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Hoàng A cho đến khi trưởng thành, chị tự nguyện không yêu cầu Anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị cam kết đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình làm việc với Toà án, quá trình khai tại Toà án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh Nguyễn Thành L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định về điều kiện, thời gian kết hôn đúng như Chị Q trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được gần 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về cách sống và trong sinh hoạt hàng ngày, trong thời gian anh ở nhà vợ gia đình Chị Q đối xử với anh không tốt và đuổi anh đi. Tháng 4/2021 anh về nhà anh ở, trong thời gian vợ chồng ly thân anh có điện thoại cho Chị Q để tìm cách khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả. Khi anh về nhà được 04 tháng thì anh đưa con về ở cùng anh, từ khi anh nuôi con Chị Q không chu cấp cho con, hai bên gia đình không gặp nhau lần nào, vợ chồng ly thân từ tháng 4/2021 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, Chị Q xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và Chị Q có 01 con chung là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 19/5/2020, cháu hiện đang ở với anh, ly hôn anh đề nghị Tòa án tiếp tục giao con cho anh nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu Chị Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh xác định trong thời gian chung sống vợ chồng làm quán phun xăm thẩm mỹ và làm tóc thu nhập bình quân mỗi tháng là 40.000.000 đồng, trừ chi phí các khoản còn dư 20.000.000 đồng. Anh đề nghị Chị Q công khai số tiền thu nhập trong thời gian vợ chồng chung sống và chia đôi số tiền này. Anh xác định vợ chồng không có sổ tiết kiệm gửi ngân hàng, không có tài sản tích lũy, không có tài sản chung nào khác và vợ chồng không vay nợ ai, không ai vay nợ vợ chồng, không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản của hai bên gia đình.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng bà Tạ Thị Th trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Q, là bà ngoại của cháu Nguyễn Hoàng A. Quá trình chung sống, Chị Q, Anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn, Anh L chơi bời, cờ bạc, không chịu làm ăn còn cãi nhau với ông bà. Anh L Chị Q mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bà đề nghị Toà án giải quyết việc ly hôn theo nguyện vọng của Chị Q. Anh L Chị Q có 01 con chung là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 19/5/2020, cháu đang ở với Anh L, khi Chị Q đang nuôi con Anh L đến đón con về chơi nhưng không giao trả cho Chị Q và không cho Chị Q đón con về, do vậy Chị Q buộc phải cho Anh L nuôi con để đến khi Tòa án giải quyết ly hôn thì chị đề nghị được nuôi con. Trường hợp Tòa giao cho Chị Q nuôi con, vợ chồng ông bà sẽ hỗ trợ cho mẹ con Chị Q và tạo điều kiện tốt nhất để cho Chị Q nuôi dưỡng con.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng bà Trần Thị D xác định: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Thành L, là bà nội của cháu Nguyễn Hoàng A. Sau khi kết hôn Anh L chung sống cùng Chị Q ở thị trấn Trần Cao, Phù Cừ, Hưng Yên, trong thời gian chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn, tháng 4/2021 Anh L không chung sống với Chị Q nữa về ở cùng bà, Anh L Chị Q ly thân từ đó mỗi người một nơi, nay Chị Q xin ly hôn Anh L là do Chị Q, bà đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải cho anh chị về đoàn tụ, nếu Anh L Chị Q không thể tiếp tục chung sống với nhau thì anh chị tự quyết định. Anh L Chị Q có 01 con chung là Nguyễn Hoàng A, cháu hiện đang ở với Anh L và bà. Ly hôn nguyện vọng của Anh L được nuôi con, bà đồng ý với ý kiến của Anh L, nếu Anh L được nuôi con bà sẽ tạo điều kiện hỗ trợ cho Anh L về chỗ ăn ở và chăm sóc cháu Hoàng Anh với điều kiện tốt nhất.

Kết quả làm việc, xác minh tại chính quyền địa phương và các đoàn thể xã Thanh Tùng và thị trấn Trần Cao xác định: Anh L Chị Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Y. Anh L Chị Q có xảy ra mâu thuẫn sau đó Anh L về nhà để ở thôn Đông, Thanh Tùng, Thanh Miện, Hải Dương, còn mâu thuẫn cụ thể như thế nào, địa phương không nắm được. Do anh chị không báo cáo nên chính quyền và các đoàn thể không biết để hoà giải. Nay, Chị Q xin ly hôn Anh L đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228 và Điều 238, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Thành L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 19/5/2020 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Q không

yêu cầu Anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức và không yêu Tòa án giải quyết, Anh L yêu cầu giải quyết về tài sản nhưng không có đơn yêu cầu độc lập, Tòa án yêu cầu đến làm việc, nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản, Anh L đều vắng mặt không lý do. Do vậy không có căn cứ xem xét giải quyết.

Về án phí: **Chị Nguyễn Thị Q** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Thành Lung; ĐKKHKT và nơi cư trú: **Thôn D, xã T, huyện M, tỉnh D**; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điều a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị **Nguyễn Thị Q** nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

Quá trình thu thập chứng cứ Anh L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không hợp tác và không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa lần thứ hai anh **Nguyễn Thành L** vắng mặt không có lý do, Chị Q có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. *Về hôn nhân:* Chị **Nguyễn Thị Q** và anh **Nguyễn Thành L** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 08/10/2019. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, Chị Q xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cách sống, sinh hoạt hàng ngày, mặc dù chị đã cố gắng để tìm ra tiếng nói chung nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng và vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2021 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, chị xin ly hôn Anh L đồng ý, Anh L luôn không chấp hành giấy báo, giấy triệu tập của Tòa án, không đến tham gia phiên họp và hòa giải là gây khó khăn cho Chị Q và Tòa án.

Từ những đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa Chị Q, Anh L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh L không đến tham gia phiên họp và hòa giải là gây khó khăn cho Chị Q thực hiện quyền ly hôn. Do vậy, cần áp dụng quy định của pháp luật xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Thành L là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Q, Anh L có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 19/5/2020 cháu hiện đang ở với Anh L. Chị Q, Anh L đều có nguyện vọng được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu người kia cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hai bên đều đề xuất các biện pháp đảm bảo cuộc sống tốt nhất của con chung.

Xét nguyện vọng của Chị Q, Anh L thấy rằng: Đến ngày xét xử, cháu Nguyễn Hoàng A chưa đủ 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình quy định: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Chị Q làm nghề tự do thu nhập bình quân 10 triệu đồng/tháng, có bố mẹ để giúp chị trông nom chăm sóc cháu, điều kiện nhà cửa cũng đảm bảo như Chị Q và bà Thái mẹ đẻ Chị Q xác định, khi Chị Q đang nuôi con, Anh L đến đón con về chơi nhưng không giao trả cho chị, là người mẹ không muốn làm ảnh hưởng tâm lý của con nên chị buộc để Anh L nuôi con, điều đó thể hiện ý thức tốt của Chị Q trong việc chăm sóc giáo dục con. Bố mẹ Chị Q cam kết sẽ hỗ trợ chị với điều kiện tốt nhất trong việc nuôi con, Chị Q không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Đối với Anh L cũng đủ điều kiện đảm bảo cuộc sống của con chung, tuy vậy hiện tại công việc và thu nhập của Anh L không ổn định. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cho Chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng A đến khi trưởng thành. Chị Q tự nguyện không yêu cầu Anh L cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy chấp nhận sự tự nguyện của Chị Q, Anh L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng anh có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp*: Chị Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh L đề nghị giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng nhưng không có đơn yêu cầu độc lập, Tòa án đã yêu cầu đến làm thủ tục và nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản nhưng Anh L không đến làm đơn và nộp tiền tạm ứng án phí, Anh L cũng không thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, do vậy Tòa án không có căn cứ xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị **Nguyễn Thị Q** khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Thành L.

2- *Về con chung*: Xử giao cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con **Nguyễn Hoàng A**, sinh ngày **19/5/2020** đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Q không yêu

cầu anh Nguyễn Thành L cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- *Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp*: Không xem xét giải quyết.

4- *Về án phí*: Chị **Nguyễn Thị Q** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai số AA/2020/0004053 ngày 30/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, **Chị Q** đã nộp đủ án phí.

5- *Về quyền kháng cáo*: **Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày** kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND **xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện**;
(để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Quang Khuyến